TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS-ST
Ngày: 18/5/2018
"V/v tranh chấp về hợp đồng đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Trung;

2. Bà Trần Thị Ánh Hằng.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến D - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2017/TLST - DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 về: "*Tranh chấp hợp đồng đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST - DS ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, giữa các đương sự:

1. <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị Phạm Thái Trúc Q, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 235, tổ 28, khóm B, phường M, thành phố D, tỉnh An Giang.

<u>*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*</u>:

Ông Trần Chí C, sinh năm: 1970, Địa chỉ: ấp T, xã P, thị xã H, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền đề ngày 15/5/2018).

2. <u>*Bị đơn*</u>: Anh Nguyễn Trường S, sinh năm: 1975.

Nơi công tác: Ngân hàng V – chi nhánh D.

<u>*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*</u>:

Ông Phan Văn B, sinh năm: 1970, địa chỉ: Số 1245, Quốc lộ B, ấp P, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền đề ngày 19/12/2017).

3. <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*</u>

Anh Trần Trung H, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Số 235, tổ 28, khóm B, phường M, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Anh Hoàng Thanh D, sinh năm: 1959, địa chỉ: 410/59, tổ 02, khóm L, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang.

Ông C và ông Bé có mặt.

Anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

Anh Hoàng Thanh D có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bảng tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thái Trúc Q trình bày:

Anh Nguyễn Trường S và chồng chị (Trần Trung H) quen biết nhau. Năm 2013, anh Trường S có đến nhà gặp chị và nói chồng chị có vay tiền của anh S nhưng chưa thanh toán. Chị vì uy tín của gia đình nên có đưa cho anh S các lần như sau:

Lần 1: Ngày 03/9/2013 anh S nhận 20.000.000 đồng;

Lần 2 Ngày 17/02/2014 anh S nhận 10.000.000 đồng;

Lần 3 Ngày 26/03/2014 S nhận 5.000.000 đồng;

Lần 4 Ngày 05/5/2014 anh S nhận 5.000.000 đồng;

Tổng cộng là: 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Mỗi lần nhận tiền anh S đều viết biên nhận cho chị (Q).

Do chị tin tưởng anh S, nên chị nghĩ chồng chị có anh H vay tiền của anh S. Anh S lợi dụng lòng tin của chị (Q) để tìm đến chị đòi tiền anh H nợ của anh. Nay chị (Q) được biết anh H không có vay tiền anh S, nên chị khởi kiện và có yêu cầu anh S hoàn trả khoản tiền mà anh đã nhận của chị là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, không tính lãi.

Theo bảng ý kiến, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Trường S trình bày:

Anh (Nguyễn Trường S) và anh Trần Trung H quen biết nhau. Năm 2011 giá cả xăng dầu có biến động, anh H có gợi ý nếu có tiền thì gởi mua chờ giá lên bán lại có tiền lãi để tiêu xài, mua bán theo giá niêm yết tại cột bơm. Thời gian này anh có gởi cho anh H hơn 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Sau đó, anh H có mượn lại anh S số tiền trên để làm dự án bãi bồi gần Miếu Vệ Thủy. Do anh H không thực hiện trả vốn – lãi, anh có gặp anh Hoàng Thanh D là kế toán của cửa hàng anh H, anh D kêu (S) đi gặp chị Q để chị Q trả chứ anh H không có tiền trả. Anh S có đến gặp chị Q và được chị Q đồng ý trả tiền cho anh H, chị Q cũng yêu cầu anh không cho anh H biết, sau đó chị gởi trả cho anh các đợt như sau:

Lần 1: Ngày 03/9/2013 nhận 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng;

Lần 2: Ngày 17/02/2014 nhận 10.000.000 (Mười triệu) đồng;

Lần 3: Ngày 26/03/2014 nhận 5.000.000 (Năm triệu) đồng;

Lần 4: Ngày 05/5/2014 nhận 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Tổng cộng là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Các lần thanh toán, anh có viết biên nhận và có khấu trừ vốn vay của anh H và giao cho chị Q. Do chị Q không cho anh báo anh H biết nên khi nào trừ dần hết thì anh sẽ cho anh H biết, đến khi còn lại vốn gốc 50.000.000 đồng, anh (S) có báo cho anh H biết thì anh H thanh toán ngay cho anh 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, anh đã trả lại biên nhận nợ cho anh H, anh thừa nhận không có nói với anh H là chị Q đã trả được 40.000.000 đồng, vì anh S nghĩ là chị Q có nói với anh H rồi. Do đó, anh không chấp nhận yêu cầu kiện của chị Q.

Người có quyền lợi và nghĩa liên quan anh Nguyễn Trung H có ý kiến trình bày:

Anh và anh S quen biết nhau, anh S có gởi tiền cho anh mua bán xăng dầu (không nhớ thời gian), anh không có vay tiền của anh S, tiền mua bán xăng dầu các bên đã thanh toán xong, anh không có nợ tiền vay như trình bày của anh S, việc anh S đến gặp (Trúc Q – vợ anh) nói anh nợ tiền của anh S và Q đưa tiền cho S được 40.000.000 đồng, anh hoàn toàn không hay biết, đến khi Quỳnh nói với anh thì anh mới biết. Yêu cầu kiện của Quỳnh là đúng sự thật.

Người làm chứng anh Hoàng Thanh D trình bày:

Anh (D) là người làm công cho chị Trúc Q. Anh không nhớ chính xác thời gian nào, chị Q có nhờ anh đến gặp anh Nguyễn Trường S đưa tiền, số tiền bao nhiêu, đưa bao nhiêu lần thì anh không nhớ, chỉ biết khi đưa tiền xong thì anh S viết giấy đưa cho anh và anh đem về đưa cho chị Q. Việc anh S cho rằng anh biết việc anh S nợ tiền anh S là hoàn toàn không có.

Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất theo quy định nhưng các bên không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa, anh C đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và anh Bé đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án; không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ nào khác và giữ nguyên ý kiến của mình. Anh Bé còn cho biết khoản tiền anh H vay của anh S, các bên đã thanh toán xong, anh S trả lại biên nhận nợ cho anh H, nên anh S không tranh chấp gì với anh H.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh Trần Trung H và anh Hoàng Thanh D.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều các Điều 26, Điều 39, Điều 68, Điều 98, Điều 195, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

Chị Q khởi kiện yêu cầu anh S trả số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, đây là khoản tiền anh H nợ anh S và chị Q trả nợ thay cho ông H và ông S có ghi lại biên nhận. Tuy nhiên việc bà Q và ông H cho rằng không có tH nợ ông S, nhưng chị Q lại đứng ra trả nợ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ số tiền nợ tương đối lớn, trả trong thời gian dài, trong khi vợ chồng ông H bà Q cùng chung sống, sinh hoạt trong gia đình trong cùng ngôi nhà, bà Q nếu không biết chắc việc chồng bà là ông H có nợ thì không thể đứng ra trả nợ thay.

Mặt khác, bà Q cho rằng đứng ra trả nợ cho ông S thay chồng bà là ông H nhưng lại sợ chính chồng bà là ông H biết việc bà đứng ra trả nợ thay vì sợ ông H mất uy tín là không có cơ sở. Bởi vì việc nợ và trả nợ chỉ diễn ra trong nội bộ ba người là bà Q, H và S chứ không phải nhiều người nên việc trả nợ cho S thì H cũng biết cũng không ảnh hưởng gì về uy tín. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[Về tố tụng]

Chị Phạm Thái Trúc Q khởi kiện đòi tài sản với anh Nguyễn Trường S; anh S công tác trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về tranh chấp hợp đồng đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự:

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Trần Trung H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người làm chứng anh Hoàng Thanh D có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H và D theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

{Về nội dung}:

[Khoản tiền tranh chấp 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng]:

Chị Phạm Thái Trúc Q có yêu cầu anh Trường S trả lại cho chị 40.000.000 đồng (có biên nhận nhận tiền do anh S viết). Sở dĩ chị đưa tiền cho anh S là do anh S đến gặp chị và nói cho chị biết anh H (chồng chị) có vay tiền của anh S nhưng không trả, chị vì uy tín gia đình nên tin tưởng và đưa tiền cho anh S nhiều lần là 40.000.000 đồng, nay được biết anh H không có vay tiền của anh S, nên chị khởi kiện anh S trả lại cho chị số tiền trên.

Anh Nguyễn Trường S cho rằng, vào khoảng năm 2011, anh có đưa cho anh H khoảng 200.000.000 đồng mua xăng dầu, khi xăng lên giá, bán lại kiếm lời, sau đó anh H có hỏi vay lại số tiền trên của anh, lãi suất 3%/tháng, anh H có trả lãi và trả vốn gốc, mỗi lần trả vốn gốc thì anh trừ dần vào vốn gốc có viết lại biên nhận nợ thực tế. Năm 2013 do anh H không thanh toán vốn – lãi, nên anh có tìm gặp chị Q (vợ anh H) trình bày việc anh H vay tiền của anh, chị Q đồng ý thanh toán dần cho anh, cụ thể anh nhận được số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng (Từ năm 2013 đến tháng 5 năm 2014), khi nhận tiền anh có viết biên nhận, đều thể hiện có khấu trừ dần khoản tiền vay của anh Nguyễn Trung H (Biên nhận do anh S viết và gởi cho chị Q), trong thời gian anh nhận tiền từ chị Q, do chị Q yêu cầu nên anh không có thông báo cho anh H biết việc anh nhận tiền của chị Q và mỗi lần nhận tiền tự anh khấu trừ dần vào vốn gốc anh H nợ anh.

Đến năm 2014, anh thông báo cho anh H biết vốn gốc còn nợ lại anh là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, anh H thanh toán ngay cho anh, anh đã trả lại biên nhận nợ cho anh H. Do đó, việc bà Q khởi kiện yêu cầu anh trả lại số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, anh không chấp nhận.

Anh Trần Trung H cho rằng anh và anh S có thỏa thuận mua xăng dầu, anh S có đưa tiền cho anh mua xăng khi nào lên giá bán. Anh không hề vay tiền của anh S, việc anh S đến gặp Q và Q có đưa tiền cho anh S, anh không hay biết. Việc mua bán xăng dầu giữa anh và anh S đã thanh toán xong.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có lời khai thống nhất nhau.

Xét, theo lời khai của anh S thì quan hệ vay tiền giữa anh S và anh H là quan hệ pháp luật "Hợp đồng vay tài sản", việc anh S báo cho chị Q biết anh H có vay tiền của anh do anh H không thực hiện đóng lãi, trả vốn vay theo thỏa thuận nên anh S có đến gặp chị Q, trong lời khai thì chị (Q) nghĩ rằng chồng chị có vay tiền, không thực hiện nghĩa vụ nên chị có thanh toán cho anh S, kết quả chị đã thanh toán 04 lần cho anh S nhận là 40.000.000 đồng (theo các biên nhận đề ngày 03/9/2013; 17/02/2014; 26/3/2014 và 05/5/2014), các biên nhận có thể hiện việc khấu trừ tiền vay của anh H, đến khi chị Q nói chuyện với anh H thì mới biết anh H không vay tiền của anh S, còn anh H cho rằng, anh không có vay tiền anh S chỉ liên quan tiền mua xăng dầu nhưng cũng đã thanh toán xong cho anh S (không nhớ thời gian). Anh S không chấp nhận lời khai của anh H nhưng

không có chứng cứ chứng minh việc anh H vay tiền của anh (do biên nhận đã trả lại cho anh H ngay sau khi tất toán khoản vốn gốc 50.000.000 đồng), mặt khác anh H có vay tiền của anh S thì các lần thanh toán lãi - vốn gốc phải có khấu trừ và phải có thông báo cho anh H biết, trong lời khai anh S thừa nhận anh tự khấu trừ vốn vay đối với khoản tiền chị Q đưa cho anh. Về nguyên tắc hợp đồng vay, thanh toán tiền vốn vay - lãi phải thông báo với nhau, nhưng anh S không báo cho anh H, anh S nghĩ rằng chị Q đã có cho anh H biết, về trách nhiệm khấu trừ dần vốn gốc, anh S phải có trách nhiệm thông báo cho anh H và lần thanh toán cuối cùng năm 2014 khi kết toán, có sự chứng kiến của chị Q và chị Q phải trả lại các biên nhận nhận tiền cho anh S.

Mặt khác, anh H không thừa nhận có vay tiền của anh S, anh S cũng không có chứng minh anh H vay tiền của anh.

Từ đó, cho thấy anh S nhận tiền của chị Q, nên anh phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền trên lại cho chị Q là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với việc anh H vay tiền của anh S thì anh có quyền yêu cầu anh H hoàn trả cho anh khoản tiền vay còn nợ lại.

[Về án phí dân sự sơ thẩm]:

Chị Q được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 (Một triệu) đồng theo Biên lai thu số TU/2014/0014940 ngày 21/11/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Anh Nguyễn Trường S phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thái Trúc Q]

Buộc anh Nguyễn Trường S có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thái Trúc Q *40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng*.

Nếu chậm trả theo thỏa thuận và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[Về án phí dân sự sơ thẩm]

Anh Nguyễn Trường S phải chịu *2.000.000 (Hai triệu)* đồng án phí dân sự sơ thẩmthẩm.

Chị Phạm Thái Trúc Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Q *1.000.000 (một triệu) đồng* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0014940 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Trần Trung H là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kiều Nga